

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2025/DS-ST

Ngày 28 - 3 -2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Vượng

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Bà Dương Thị S, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2024; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Do có mối quan hệ hàng xóm với bà Dương Thị S, nên các ngày 02/7/2024 và 03/7/2024, bà Dương Thị S có liên lạc với bà N qua Zalo (sdt: 0337.222.983) để đề nghị vay tiền của bà nhiều lần và hẹn sẽ trả lại tiền cho bà trong vòng 02 ngày, số tiền vay các lần cụ thể như sau: Lần 1 (ngày 02/7/2024): Bà S đề nghị vay của bà N số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Do tin tưởng là hàng xóm với nhau nên bà N đã không hỏi lý do vay tiền mà đã chuyển khoản số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng nêu trên qua số tài khoản ngân hàng: 102005128025 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (V) đứng tên bà Dương Thị S; Lần 2 (ngày 02/7/2024): Bà S tiếp tục đề nghị vay của bà N số tiền 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng, bà N có

ngghi ngờ tại sao bà S lại vay tiền nhiều lần như vậy nên có hỏi lý do vay thì bà S trả lời: vay để trả tiền cho bạn của bà S mua chung cư. Bà N cũng không hỏi gì thêm và tiếp tục chuyển khoản cho bà S 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng thông qua sổ tài khoản ngân hàng của bà S như đã nêu ở trên; Lần 3 (ngày 03/7/2024): Bà S gọi điện thoại trực tiếp cho bà N và đề nghị vay tiếp số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng với lý do: “hôm qua vay nhưng vẫn chưa đủ tiền nên hỏi vay thêm”. Bà N cũng đồng ý và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng đã nêu trên cho bà S số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Tổng cộng số tiền bà S đã vay của bà N trong hai ngày 02/7/2024 và 03/7/2024 là: 228.000.000 (hai trăm hai mươi tám triệu) đồng. Khi vay tiền, giữa bà N và bà S có thỏa thuận về lãi suất vay là 1%/ngày. Đồng thời, ngày 03/7/2024 thì bà N có yêu cầu bà S viết giấy xác nhận về việc vay tiền của bà N đối với tổng số tiền nêu trên là 228.000.000 (hai trăm hai mươi tám triệu) đồng và cam kết ngày 04/7/2024 sẽ trả đầy đủ số tiền đã vay cho N. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền vào ngày 04/7/2024 thì bà S không thực hiện việc trả tiền cho bà N như đã cam kết. Sau nhiều lần liên lạc để đề nghị thực hiện việc trả nợ thì ngày 06/9/2024 bà S đã trả cho bà N số tiền: 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng tiền vay gốc và 456.000 (bốn trăm năm mươi sáu nghìn) đồng tiền lãi của 02 ngày (ngày 02/7 và 03/7/2024); Ngoài ra bà S chưa thanh toán cho bà N thêm số tiền vay gốc nào và chưa thanh toán lãi theo thỏa thuận. Sau đó, bà N có nhiều lần liên lạc để đề nghị bà S trả nợ nhưng bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đồng thời bà S đã có những lời lẽ thách thức bà N khởi kiện để đòi nợ. Đến nay, bà S vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với bà N, việc làm này của bà S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Vì vậy bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị N tổng số tiền đã vay còn nợ lại 216.000.000 đồng (*hai trăm mười sáu triệu*) đồng, trong đó tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 16.0000.000 đồng.

Số tiền bà N cho bà Dương Thị S vay là tiền riêng của bà, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị S trình bày: Bà S và bà Trần Thị N, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước là hàng xóm có quen biết nhau nên vào ngày 02/7/2024 và 03/7/2024, bà có liên lạc với bà N qua Z và số điện thoại để vay tiền của bà N mục đích là kinh doanh, mua bán hàng hóa trên mạng internet. Ngày 02/7/2024 bà S vay bà N lần đầu số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, cùng ngày 02/7/2024 bà S tiếp tục vay của bà N số tiền 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng. Ngày 03/7/2024 bà S tiếp vay của bà N số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Tổng cộng số tiền bà S vay của bà N trong 03 lần (hai ngày 02/7/2024 và 03/1/2024) là 228.000.000 (hai trăm hai mươi tám triệu) đồng. Khi vay tiền, giữa bà S và bà N thỏa thuận lãi suất 6%/tháng (thỏa thuận miệng), bà S

đóng lãi hai ngày (ngày 02/7 và 03/7/2024) với số tiền 456.000 (bốn trăm năm mươi sáu nghìn) đồng. Sau đó bà S và bà N thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Ngày 03/7/2024 giữa bà S và bà N có lập giấy vay tiền các khoản đã vay. Tổng số tiền vay bà S đã trả cho bà N được 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng và hiện nay bà S còn nợ bà N số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tiền vay gốc. Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị N số tiền vay gốc còn lại là 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/3/2025 là 16.000.000 đồng, tổng cộng: 216.000.000 (hai trăm mười sáu triệu) đồng. Bà S đồng ý trả nợ số tiền vay gốc còn lại và tiền lãi trên cho bà N nhưng do hiện nay điều kiện khó khăn nên không trả ngay một lần số tiền trên được mà xin bà N cho bà trả tiền làm nhiều lần theo từng tháng, từng quý và từng năm. Mỗi tháng bà S xin trả cho bà N số tiền 2.000.000 đồng.

Số tiền bà S vay của bà Trần Thị N là vay riêng để sử dụng mục đích mua bán hàng trên mạng, chồng bà S không biết, không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Dương Thị S trả nợ gốc cho bà số tiền còn lại là 200.000.000 đồng và 16.000.000 đồng tiền lãi. Bị đơn bà Dương Thị S thừa nhận có vay của bà N tổng số tiền là 228.000.000 đồng, bà S đã trả được 28.000.000 đồng tiền vay gốc và 456.000 đồng tiền lãi của 02 ngày 02/7 và 03/7/2024. Nay bà S đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng và thống nhất còn nợ lãi số tiền 16.000.000 đồng theo yêu cầu bà N nhưng hiện nay bà S chưa có tiền để trả cho bà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nêu quan điểm về tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Dương Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị N tổng số tiền 216.000.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi 16.000.000 đồng. Buộc bị đơn bà Dương Thị S phải chịu án phí và nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị N khởi kiện bà Dương Thị S để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị S thanh toán số tiền vay nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 13.280.000 đồng; Tại phiên tòa bà N bổ sung yêu cầu tính lãi, yêu cầu bà S thanh toán tiền lãi 1%/tháng đối với số tiền vay từ ngày 07/7/2024 đến ngày 28/3/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 16.000.000 đồng. Bà Dương Thị S có nơi cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là vụ án tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N và các hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị N và bà Dương Thị S.

Do cần tiền để thực hiện việc kinh doanh qua mạng Internet nên bà Dương Thị S đã thỏa thuận với bà Trần Thị N để vay số tiền 228.000.000đ (hai trăm hai mươi tám triệu) đồng, với lãi suất 1%/ngày. Bà N đã giao tiền cho bà S thông qua việc chuyển khoản cụ thể như sau: Lần 1 vào ngày 02/7/2024 bà N đã chuyển khoản cho bà S vay số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng cho bà S. Lần 2 ngày 02/7/2024 bà N tiếp tục chuyển khoản cho bà S vay số tiền 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng. Lần 3 ngày 03/7/2024 bà N chuyển khoản cho bà S vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu) đồng. Tổng cộng 03 lần bà S vay của bà N với số tiền trong hai ngày 02/7/2024 và 03/7/2024 là 228.000.000 (hai trăm hai mươi tám triệu) đồng. Ngày 03/7/2024 bà N và bà S đã thỏa thuận viết giấy xác nhận tổng số tiền bà S vay của bà N là 228.000.000 (hai trăm hai mươi tám triệu) đồng và bà S cam kết ngày 04/7/2024 sẽ trả đầy đủ số tiền vay trên cho bà N. Ngày 06/9/2024 bà S đã trả cho N số tiền vay gốc: 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng, còn lại 200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đến nay bà S chưa trả cho bà N nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S thanh toán tiền vay gốc và lãi.

Đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận lãi suất và có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà S đã thừa nhận có vay của bà N số tiền 03 lần là 228.000.000 đồng và đã trả cho bà N số tiền gốc là 28.000.000 đồng và 456.000 đồng tiền lãi, đây là sự thật được hai bên thừa nhận không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm giao kết hợp đồng bà N và bà S là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội.

[3] Nghĩa vụ thanh toán nợ:

Tại phiên tòa bà Dương Thị S thống nhất, đồng ý thanh toán nợ gốc và lãi cho bà Trần Thị N nhưng do khó khăn nên xin được trả làm nhiều lần nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự thống nhất bà S có vay bà N 03 lần tiền trong 02 ngày với tổng số tiền là: Ngày 02/7/2024 vay số tiền 70.000.000 đồng và 88.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản; ngày 03/7/2024 bà S tiếp tục vay của bà N số tiền 70.000.000 đồng và các bên thỏa thuận lãi (miệng) 01%/ ngày; hạn 02 ngày sau (kể từ ngày 02/7/2024) thì thanh toán nợ gốc và lãi nhưng đến hạn trả nợ bà S không thanh toán nợ cho bà N mặc dù bà N đi đòi nhiều lần là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên để đảm bảo thu hồi nợ cho nguyên đơn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Dương Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị N số tiền vay gốc còn lại là 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà S cũng đồng ý thanh toán tiền cho bà N nên cần ghi nhận.

Lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày khi cho bà S vay tiền thì thỏa thuận lãi là 1%/ngày (30%/tháng) là cao hơn mức cho phép của pháp luật tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nhưng trên thực tế bà S mới thanh toán được số tiền 456.000 đồng nên không có căn cứ cản trừ phần vượt quá vào tiền vay gốc. Tại phiên tòa bà N yêu cầu tổng lãi của số tiền vay còn lại là 200.000.000 đồng là 16.000.000 đồng từ tháng 7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2025), phù hợp với mức lãi do pháp luật quy định và được bị đơn đồng ý nên cần ghi nhận và buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn trình bày: Bà N cho bà S vay tiền là tài sản riêng của bà S nên chồng bà N không biết và ông Nguyễn Tấn T1 cũng xác nhận việc này. Bà Dương Thị S cũng trình bày bà vay tiền của bà N để kinh doanh trên Internet mà chồng bà S không biết và cũng không mang lợi nhuận để phục vụ sinh hoạt trong gia đình, bà N cũng xác nhận việc này và bà N cũng không yêu cầu chồng bà S là ông Nguyễn Hữu T2 cùng thanh toán nợ cho bà N nên ông T2 không có nghĩa vụ thanh toán nợ cùng bà S cho bà N.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Dương Thị S phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận 216.000.000 đồng x 5% bằng số tiền 10.800.000 đồng. Chi cục thi hành án huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí 5.332.000 (năm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014701 ngày 27/11/2024 tại Chi cục thi hành án huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[5] Quan điểm của đại diện Kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 92, Điều 93, Điều 147; Điều 264 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N về việc tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Dương Thị S.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị N và bà Dương Thị S.

1. Buộc bị đơn bà Dương Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị N số tiền vay gốc còn lại là 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng và 16.000.000 (*Mười sáu triệu*) đồng. Tổng cộng là 216.000.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu*) đồng cho nguyên đơn bà Trần Thị N

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Dương Thị S phải chịu 10.800.000 (*Mười triệu tám trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí là 5.332.000 (*Năm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014701 ngày 27/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS ND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Đình Học**